

Bản án số: 26/2022/HS-ST

Ngày: 14 - 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngân
2. Ông Đặng Trần Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Đăng Phương Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý 455/2021/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 381/2021/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành N, sinh năm 1983 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Đường K, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 07/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị D (chết); có vợ là Lê Thị H, có một con sinh năm 2018; tiền sự: không; tiền án: 02 tiền án, cụ thể:

Bản án số 76/2004/HSST ngày 21/6/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Bản án số 27/2005/HSST ngày 28/02/2005 của Tòa án nhân dân Nha Trang xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” của Bản án số 76/2004/HSST ngày 21/6/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, thời gian chấp hành là 06 năm 09 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/9/2010.

Nhân thân:

Bản án số 150/2001/PTHS ngày 20/3/2001 của Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 30 tháng tù về tội “Cướp tài sản công dân”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/5/2002.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2021 cho đến nay.

- *Bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1964: Địa chỉ: đường K, phường Vĩnh N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Chị Trần Thị Thùy Nhung, sinh năm 1992. Địa chỉ: đường K, phường Vĩnh N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

3. Chị Thân Thị Thủy Tiên, sinh năm 2000. Địa chỉ: Đường T, phường Vĩnh N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lâm Xuân T – Hộ kinh doanh xe máy Thanh S. Địa chỉ: đường C, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Ông Nguyễn Văn N, địa chỉ: Địa chỉ: đường K, phường Vĩnh N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, địa chỉ: địa chỉ: đường K, phường Vĩnh N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 02/5/2021, Nguyễn Thành N đang ở nhà tại địa chỉ số Địa chỉ: đường K, phường Vĩnh N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa thì thấy chị Nguyễn Thị đang nói chuyện cùng hàng xóm trong nhà. N hỏi mượn tiền chị G nhưng chị G không đồng ý. Lúc này, N phát hiện chị G đeo 01 sợi dây chuyền vàng trọng lượng 5,26 chỉ trên cổ nên nảy sinh ý định cướp giật tài sản. N đi bộ đến gần chị G dùng tay giật sợi dây chuyền rồi bỏ chạy nhanh ra ngoài đường. Sau đó, N thuê xe máy Grap đi đến ngã ba giao nhau giữa đường 2/4 với đường Đ, phường Vĩnh H, thành phố N thì gặp nam thanh niên tên Tuấn (chưa xác định được lai lịch), N nhờ T bán sợi dây chuyền được 14.700.000 đồng, N cho T 200.000 đồng. Số tiền còn lại N đã tiêu dùng cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 174/KL-HĐĐGTS ngày 13/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 dây lật ghép bông lớp mm PPJ 610 (loại vàng 61%), trọng lượng 5,26 chỉ trị giá 16.921.420 đồng.

Bị can Nguyễn Thành N đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú trong vụ án cướp giật tài sản xảy ra vào ngày 02/5/2021 tại địa chỉ nhà số đường K, phường Vĩnh N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, thì Nghĩa lại tiếp tục thực hiện hành vi cướp giật tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ 1: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 28/6/2021, Nguyễn Thành N đến quán café Galaxy, địa chỉ số T, phường Tân L, thành phố N để uống café thì gặp chị Thân Thị Thủy T. Do không có tiền tiêu dùng nên N nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. N hỏi mượn xe máy của chị T để N đi lấy tiền ở thành phố C rồi chiều quay lại trả, chị T đồng ý. Chị T đưa cho N mượn 01 xe máy hiệu Airblade biển kiểm soát 79N2 – và giấy đăng ký xe máy ở trong cốp xe. Sau khi mượn được xe, N điều khiển xe máy trên đến cửa hàng xe máy Thanh Sinh, địa chỉ đường C, phường S, thành phố N để bán cho anh Lâm Xuân T với giá 17.000.000 đồng, số tiền này N đã tiêu dùng cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 295/KL-HĐĐGTS ngày 11/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 xe máy hiệu Airblade biển kiểm soát 79N2 – 3.. trị giá 17.480.000 đồng.

Vụ 2: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 28/6/2021, do không có tiền tiêu dùng cá nhân nên N nảy sinh ý định cướp giật tài sản để bán lấy tiền. Lúc này, N phát hiện chị Trần Thị Thùy N đang ngồi dạy con học bài trước sân nhà tại địa chỉ số 22 đường K, phường Vĩnh N, thành phố N, trên cổ chị N có đeo 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng nên N đi đến gần chị N từ phía sau rồi dùng tay nhanh chóng giật sợi dây chuyền trên cổ chị N rồi bỏ chạy. Sau đó, N mang sợi dây chuyền vừa giật được đến khu vực Mã V bán cho một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) được 1.500.000 đồng. Số tiền bán được, N đã tiêu dùng cá nhân hết, còn chị N đến công an phường N trình báo sự việc.

Đến khoảng 15 giờ ngày 29/06/2021, Công an phường N đưa N về trụ sở làm việc. Tại cơ quan công an, N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 325/KL-HĐĐGTS ngày 23/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 dây chuyền vàng N bong TD (vàng 61%) trọng lượng 1,18 chỉ trị giá 3.646.200 đồng; 01 mặt ngôi sao NTH (vàng 61%) trọng lượng 0,265 chỉ trị giá 818.850 đồng. Tổng tài sản định giá là 4.465.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Thành N cướp giật là 21.386.420 đồng; giá trị tài sản lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 17.480.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 376/CT-VKS ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã:

Truy tố bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 171 và điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 04 - 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” 02 năm 06 tháng đến - 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự, những bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xét. Buộc bị cáo Nguyễn Thành N phải bồi thường cho ông Lâm Xuân T – Hộ kinh doanh xe máy Thanh 17.48.000 đồng. Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thành N thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để sớm trở về làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa bị hại Nguyễn Thị G, chị Trần Thị Thùy N, chị Thân Thị Thủy T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Xuân T – Hộ kinh doanh xe máy Thanh S và những người làm chứng vắng mặt. Nhận thấy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên và của các cơ quan tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thành N khai nhận do cần tiền tiêu xài, nên bị cáo đã thực hiện hai vụ cướp giật tài sản của người thân là bà Nguyễn Thị G và chị Trần Thị Thùy N và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Thân Thị Thủy, cụ thể như sau:

[2.1] Đối với hành vi cướp giật tài sản: Vào khoảng 15 giờ ngày 02/5/2021, tại địa chỉ số 22 đường K, phường V, thành phố N, Nguyễn Thành N đã có hành vi dùng tay giật sợi dây chuyền vàng trọng lượng 5,26 chỉ trị giá 16.921.420 đồng của chị Nguyễn Thị G. Tiếp đó, khoảng 21 giờ 00 phút ngày 28/6/2021, tại địa chỉ số 22 đường K, phường V, thành phố N, Nguyễn Thành N đã có hành vi dùng tay giật sợi dây chuyền vàng trị giá là 4.465.000 đồng của chị Trần Thị Thùy N.

[2.2] Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Với mục đích chiếm đoạt tài sản của chị T. Nên khoảng 10 giờ 00 phút ngày 28/6/2021, tại quán cà phê Galaxy, địa chỉ đường T, phường Tân L, thành phố N, Nguyễn Thành N đã đưa ra thông gian dối nói là mượn xe đi công việc, do tin tưởng bị cáo nên chị Thân Thị Thủy T đã giao xe máy cho bị cáo. Sau khi có được xe bị cáo đã bán xe AirBlade biển kiểm soát 79N2 – cho anh Lâm Xuân T để lấy 17.000.000 đồng. Trị giá chiếc xe bị cáo chiếm đoạt là 17.480.000 đồng.

[2.3] Tổng giá trị tài sản Nguyễn Thành N chiếm đoạt là 38.866.420 đồng

[2.4] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai của người làm chứng; các Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phần xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Hành vi 02 lần cướp giật tài sản và một lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[3] Đánh giá về tình tiết định khung hình phạt tăng nặng quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 và điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Năm 2005 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo bản án số 76/2004/HSST ngày 21/6/2004. Bản án này bị cáo chưa được xóa án tích, thì năm 2005 bị cáo lại tiếp tục phạm tội “Cướp giật tài sản” và bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 06 năm tù, theo Bản án số 27/2005/HSST ngày 28/02/2005. Tại bản án này bị cáo bị Tòa án áp dụng tình tiết “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự 1999. Năm 2010 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, nhưng bị cáo chưa thi hành xong phần án phí. Như vậy, bị cáo đã “tái phạm” và chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội, nên lần phạm tội này là “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật hình sự 2015 và tình tiết “tái phạm nguy hiểm” được quy định là tình tiết định khung hình phạt tăng nặng quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 và điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 376/CT-VKSNT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang truy tố bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm i khoản 2 Điều 171 và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Trong thời gian ngắn (trong từ 02/5/2021 -28/6/2021), bị cáo đã ba lần thực hiện hành vi phạm tội, điều này thể hiện tính nguy hiểm cao đối với xã hội. Về nhân thân, bị cáo có nhân xấu, đã nhiều lần bị các tòa án xét xử về tội xâm phạm sở hữu. Thế nhưng, sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo không tu chí làm người lương thiện mà tiếp tục tội phạm, nên lần phạm tội này, ngoài việc bị cáo bị áp dụng các tình tiết định khung hình phạt tăng nặng, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo một

thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên, sau khi phạm tội và trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản phạm tội một phần đã được thu hồi trả lại cho bị hại, người bị hại là bà Nguyễn Thị Gái có đơn đề nghị có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo, sớm trở về làm lại cuộc đời.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

[5.1] Bị hại bà Nguyễn Thị G, chị Trần Thị Thùy N và chị Thân Thị Thủy T không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5.2] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lâm Xuân T – Hộ kinh doanh xe máy Thanh S, anh T đã mua chiếc xe máy biển kiểm soát 79N2 – với giá 17.000.000 đồng nhưng không biết là xe do phạm tội mà có. Nay anh T yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 17.000.000 đồng mà anh đã đưa cho bị cáo. Nhận thấy yêu cầu của anh Lâm Xuân T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T số tiền 17.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành N 04** (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và **03** (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hai tội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **07** (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự:

2.1. Bị hại bà Nguyễn Thị G, chị Trần Thị Thùy N và chị Thân Thị Thủy T không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xét.

2.2. Căn cứ Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lâm Xuân T – Chủ Hộ kinh doanh xe máy Thanh S số tiền **17.00.000** đồng (Mười bảy triệu đồng).

Quy định: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do

chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Công an thành phố Nha Trang;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS. TP. Nha Trang;
- Lưu án văn, VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng